

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHÚ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 264/QĐ-UBND

Phú An, ngày 22 tháng 08 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Công khai Quyết toán ngân sách xã Phú An năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài Chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành 1 số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3061/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2016 của UBND thị xã Bến Cát về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017 cho các đơn vị hành chính sự nghiệp và Ủy ban nhân dân các xã, phường;

Căn cứ Quyết định số 3063/QĐ-UBND thị xã Bến Cát ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2017 của UBND thị xã Bến Cát về việc giao chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 2638/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2017 của UBND thị xã Bến Cát về việc điều chỉnh thu, chi ngân sách Nhà nước thị xã Bến Cát năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 3061/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND thị xã Bến Cát về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch điều hòa đầu tư công năm 2017;

Căn cứ Báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách xã Phú An đã được Kho bạc nhà nước Bến Cát xác nhận ngày 05 tháng 02 năm 2018,

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HDND ngày 01 tháng 08 năm 2018 của Hội đồng nhân dân xã Phú An về việc phê duyệt báo cáo Quyết toán ngân sách xã Phú An năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai Quyết toán ngân sách xã Phú An năm 2017 như sau:



Tổng thu NS xã:	22.817.416.339 đồng.
Tổng chi NS xã:	18.261.918.226 đồng.
Trong đó:	
- Chi trong khoán:	3.922.964.607 đồng.
- Chi ngoài khoán:	14.009.561.360 đồng.
- Chi chuyển nguồn:	329.392.259 đồng.
Kết dư NS xã sang năm 2018:	4.555.498.113 đồng.

(Có biểu mẫu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao bộ phận Tài chính - Kế toán lập quyết toán thu, chi ngân sách xã Phú An năm 2017 theo số được duyệt và thực hiện công khai theo đúng quy định.

Điều 3. Công chức Văn phòng HĐND – UBND, bộ phận Tài chính – Kế toán, các Ban, Ngành, Đoàn thể có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã Bến Cát;
- TT. Đảng ủy – TT. HĐND;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.



Lê Nguyễn Thanh Bình





CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2017

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: 1.000 đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	22.817.416	TỔNG SỐ CHI	18.261.919
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	411.537	I. Chi đầu tư phát triển	1.066.179
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	266.662	II. Chi thường xuyên	16.866.348
III. Thu bổ sung	19.156.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm	329.392
- Bổ sung cân đối	19.156.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	2.726.860		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách	256.357		
Kết dư ngân sách	4.555.497		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2017***(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)*

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu ngân sách xã	31.761.000	19.581.000	42.533.336	22.817.416	133,92	116,53
A	Thu ngân sách xã đã qua Kho bạc	31.761.000	19.581.000	42.533.336	22.817.416	133,92	116,53
I	Các khoản thu 100%	370.000	370.000	3.138.397	3.138.397	848,22	848,22
1	Phí, lệ phí	117.000	117.000	101.408	101.408	86,67	86,67
1.1	Trong đó: + Phí chợ	40.000	40.000				
1.2	+ Lệ phí hộ tịch	30.000	30.000	7.320	7.320	24,40	24,40
1.3	+ Lệ phí chứng thực	30.000	30.000	94.088	94.088	313,63	313,63
1.4	+ Các khoản thu khác	17.000	17.000				
1.5	+ Phí xây dựng						
2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Đóng góp của nhân dân theo quy định			937	937		
4.1	Trong đó: + Quỹ ANQP						
4.2	+ Quỹ PCBL			937	937		
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước			14.840	14.840		
6	Thu kết dư ngân sách năm trước			2.726.860	2.726.860		
7	Thanh lý TSCĐ						
8	Các khoản thu khác (thu phạt + tịch thu tang vật)	253.000	253.000	294.352	294.352	116,34	116,34
8.1	Trong đó: + Thu phạt hành chính	253.000	253.000	252.132	252.132	99,66	99,66
8.3	+ Tịch thu tang vật			42.220	42.220		
9	Thu hồi các khoản chi năm trước (đào tạo)						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	13.405.000	55.000	19.982.582	266.662	149,07	484,84
	Các khoản thu phân chia (1)						
1	Thuế chuyển quyền sử dụng đất						
2	Thuế nhà đất						
3	Thuế môn bài						



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
3.1	Thuế môn bài bậc 1-3						
3.2	Thuế môn bài bậc 4-6						
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
5	Lệ phí trước bạ nhà, đất	650.000		1.050.159		161,56	
6	Lệ phí trước bạ khác						
7	Thuế GTGT	1.180.000		857.035		72,63	
8	Thuế TNDN			18.728			
9	Thuế tiêu thụ đặc biệt	120.000		77.344		64,45	
10	Thuế tài nguyên			10.413			
11	Thu tiền sử dụng đất	7.500.000		13.350.174		178,00	
12	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			72.419			
13	Thuế thu nhập cá nhân	3.900.000		4.260.168		109,24	
14	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	55.000	55.000	81.342	81.342	147,89	147,89
15	Thu phạt an toàn giao thông			185.320	185.320		
16	Thu khác			19.480			
	Các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định						
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	17.986.000	19.156.000	19.156.000	19.156.000	106,51	100,00
	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	17.986.000	19.156.000	19.156.000	19.156.000	106,51	100,00
	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên						
	Thu bổ sung khác (bầu cử)						
IV	Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (nếu có)			256.357	256.357		
B	Thu ngân sách xã chưa qua KB						





QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2017

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	20.866.669	1.070.000	19.796.669	18.261.919	1.066.179	17.195.740	87.5	99.6	87
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	50.000		50.000	25.850		25.850	51.7		51.7
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	27.000		27.000	25.090		25.090	92.9		92.93
4	Chi văn hóa, thông tin	630.000		630.000	499.935		499.935	79.4		79.4
5	Chi phát thanh, truyền thanh	106.000		106.000	75.145		75.145	70.9		70.9
6	Chi thể dục thể thao	200.000		200.000	188.885		188.885	94.4		94.4
7	Chi bảo vệ môi trường	1.427.000		1.427.000	226.435		226.435	15.9		15.9
8	Chi các hoạt động kinh tế	5.695.669	1.070.000	4.625.669	5.478.971	1.066.179	4.412.792	96.2	99.6	95.4
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	12.170.000		12.170.000	11.175.095		11.175.095	91.8		91.8
10	Chi cho công tác xã hội	288.000		288.000	237.121		237.121	82.3		82.3
11	Chi khác									
12	Dự phòng ngân sách	273.000		273.000						
13	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau				329.392		329.392			



QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công- hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/1-31/12/2017	Giá trị thanh toán năm			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
	TỔNG SỐ								
I	Công trình chuyển tiếp (Vốn thương NTM, kết dư NS 2016)		1.000.000	0	1.066.179	1.066.179	0	1.066.179	
1	Bê tông xi măng 3 tuyến đường GTNT trên địa bàn xã Phú An		1.000.000		1.066.179	1.066.179	0	1.066.179	
II	Công trình khởi công mới		1.520.000		1.520.000	1.520.000		1.520.000	
1	Bê tông nhựa nóng tuyến đường Ông 6 Còn - Ông Hoàng ấp Phú Thứ		1.273.000		1.241.355	1.241.355		1.241.355	
2	Vốn chuẩn bị đầu tư bê tông nhựa nóng tuyến đường Ông 6 Ứng-Út Dư		157		155.012	155.012		155.012	
3	Vốn chuẩn bị đầu tư bê tông nhựa nóng tuyến đường ĐH 609-Bà Quý		90		83.562	83.562		83.562	

